

CHÚA TIÊN NGUYỄN HOÀNG

(1558 - 1613)



Tổ tiên họ Nguyễn là một danh gia vọng tộc ở Thanh Hóa. Tháng Mười một năm Kỷ Tị đời Lê sơ (1509) Nguyễn Hoàng Dụ đã cùng một số quần thần khởi binh ở Thanh Hóa, giúp vua Lê Tương Dực lật đổ Lê Uy Mục. Ông được phong chức Thái phó Trừng quốc công, con cháu đời đời tập ấm.

* * *

Nguyễn Kim là con trai trưởng của Nguyễn Hoàng Dụ, làm quan dưới triều Lê đến chức Hữu vệ điện tiền tướng quân, tước An Thành hầu. Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, Nguyễn Kim đem gia quyến lánh sang Ai Lao, thu nạp hào kiệt, mưu trung hưng nhà Lê từ xứ khác. Ông được phong Thượng phụ Thái sư Hưng quốc công chưởng nội ngoại sự.



Năm Canh Tí (1540) Nguyễn Kim đem quân về đóng ở Nghệ An. Ba năm sau, ông ra Thanh Hóa cùng vua Lê Trung hưng⁽¹⁾ đánh chiếm lại Tây Đô. Tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất phải đầu hàng.

Sự nghiệp trung hưng nhà Lê do Nguyễn Kim khởi sự đang đà lớn mạnh thì đến năm Quý Tị, khi đem quân ra đánh Sơn Nam, ông bị Dương Chấp Nhất đầu độc chết. Quyền hành từ đó rơi vào tay Trịnh Kiểm, con rể của Nguyễn Kim.

* * *

Nguyễn Hoàng là con trai thứ hai của Nguyễn Kim. Khi gia đình lánh sang Ai Lao, Nguyễn Hoàng mới hai tuổi, được Thái phó Nguyễn Ứ Dĩ⁽²⁾ nuôi dạy nên người.

Nguyễn Hoàng làm quan dưới triều Lê, từng đem quân đánh Mạc Phúc Hải, lập công lớn, được phong tước Đoan quận công.

Khi Nguyễn Kim mất, Trịnh Kiểm lên thay và bắt đầu loại bỏ dần dần con em họ Nguyễn.

Nguyễn Uông, con trưởng bị hãm hại, Nguyễn Hoàng biết mình đang gặp nguy hiểm, bèn cáo bệnh nằm nhà, giữ mình tránh ngờ.

Mối thù với họ Trịnh bắt đầu từ đây.

(1) Tức vua Lê Trang Tông.

(2) Thái phó Nguyễn Ứ Dĩ là cậu ruột của Chúa tiên Nguyễn Hoàng, người có công nuôi dưỡng, phò tá, giúp Nguyễn Hoàng dựng nên nghiệp lớn tại Đàng Trong.



Mưu cách giữ thân để tính kế lâu dài, Nguyễn Hoàng đem lễ vật đến hỏi quan nhà Mạc đã hưu trí là Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm. Trình quốc công lấy giấy bút viết tám chữ, giao cho người tâm phúc của Nguyễn Hoàng đem về. Nguyễn Hoàng mở thư đọc, thấy tám chữ:

Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân

Nghĩa là:

Hoành sơn một dải, dung thân muôn đời.

Hiểu được ý nghĩa của lời chỉ bảo, Nguyễn Hoàng cầu cứu với chị là Ngọc Bảo, xin Trịnh Kiểm cho vào trấn Thuận Hóa⁽¹⁾.

Thấy đất ấy hiểm trở, xa xôi, khí hậu khắc nghiệt, lại là mặt Nam, quân Mạc có thể dùng thuyền vượt biển đánh sau lưng, Trịnh Kiểm đồng ý, dâng biểu tâu vua trao quyền cho Nguyễn Hoàng làm trấn thủ Thuận Hóa, toàn quyền xử lí mọi việc.

Năm Mậu Ngọ (1558), đời vua Lê Anh Tông, Nguyễn Hoàng vào lĩnh đất phong, bấy giờ vừa tròn ba mươi tư tuổi.

Lúc ấy, có rất nhiều họ hàng ở Tống Sơn và Nghĩa Dũng (Thanh Hóa), cùng hàng ngàn quân binh ở Thanh, Nghệ tình nguyện đi theo.

Họ Nguyễn bắt đầu khởi nghiệp, mở mang bờ cõi ở đất Đàng Trong.

(1) Năm 1306, vua Chiêm Thành là Chế Mân cầu hôn Công chúa Huyền Trân đã lấy châu Ô, châu Rí/Lí làm sính lễ. Sau khi đất đó thuộc về Đại Việt, vua Trần Anh Tông đổi tên thành châu Thuận, châu Hóa. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông đặt 13 thừa tuyên trong cả nước, đổi làm thừa tuyên Thuận Hóa. Vùng đất này kéo dài từ bờ Nam sông Hiếu, Quảng Trị đến bờ Bắc sông Thu Bốn, Đà Nẵng ngày nay.

BUỔI ĐẦU LẬP NGHIỆP

Thuở đầu, Nguyễn Hoàng dựng dinh trại ở xã Ái Tử, huyện Đăng Xương⁽¹⁾. Hoàng biết khéo vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được người người mến phục, gọi là Chúa Tiên.

Khoảng bốn mươi năm đầu vào vùng đất mới, Nguyễn Hoàng chú trọng khai hoang lập ấp, phát triển kinh tế, gây dựng lực lượng, tính kế lâu dài... Bên ngoài, ông vẫn giữ quan hệ bình thường và hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với vua Lê. Công cuộc khẩn hoang và chính sự rộng rãi của Nguyễn Hoàng đã đem lại hiệu quả rõ rệt về mọi mặt.

Tháng Hai năm Quý Dậu (1573) vua Lê sắc phong Nguyễn Hoàng là Thái phó, chuyên tích trữ thóc lúa ở biên giới, hằng năm nộp thuế bốn trăm cân vàng bạc, năm trăm tấn lúa.

Mỗi lần có triều thần vào kiểm tra thuế khóa của trấn, Nguyễn Hoàng khéo tiếp đãi, biết lấy lòng. Vì thế, Hoàng chỉ đệ trình sổ sách do Hoàng sai người lập ra. Chính nhờ đó mà thu nhập của chúa Nguyễn ở Đàng Trong ngày càng tăng nhanh.

Ngoài Bắc, vua Lê liền năm phải đem quân đánh Mạc, quân dụng thiếu thốn, đất Thuận Quảng⁽²⁾ lại “*liền mấy năm được mùa, trăm họ giàu thịnh*”. Nguyễn Hoàng còn đem tiền, thóc ra giúp vua Lê.

(1) Nay thuộc Triệu Phong, Quảng Trị.

(2) Thuận Quảng là cách gọi chung hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam



* * *

Tháng Năm năm Quý Tị (1593) biết Lê - Trịnh đã đánh tan quân Mạc, lấy lại được Đông Đô, Nguyễn Hoàng liền đem quân ra yết kiến vua Lê. Vua Lê ngợi khen công lao trấn thủ đất phía nam, tấn phong Hoàng làm Trung quân đô đốc phủ, Tả đô đốc chưởng phủ sự, Thái úy Đao quốc công.

Nguyễn Hoàng lưu lại ở miền Bắc với nhà Lê đến bảy năm, nhiều lần đem quân đánh dẹp dư đảng nhà Mạc ở Kiến Xương⁽¹⁾ và Hải Dương⁽²⁾, lập được nhiều công lớn. Người con trai thứ hai của Nguyễn Hoàng tên là Hán, được vua phong Tả đô đốc Lại quận công, theo Nguyễn Hoàng đánh Mạc ở Sơn Nam⁽³⁾ bị tử trận. Con Hán là Hắc được tập ấm.

Nguyễn Hoàng đã nhiều lần theo hầu vua Lê lên hội khám với nhà Minh ở Trấn Nam Quan để nhận sắc phong cho vua Lê. Năm Kỷ Hợi (1599) vua Lê băng, con thứ là Duy Tân lên ngôi, Nguyễn Hoàng được phong Hữu tướng.

* * *

Năm Canh Tí (1600) sau khi đem quân dẹp các tướng nổi loạn: Phan Ngạn, Ngô Đình Nga và Bùi Văn Khuê ở Nam Định, Nguyễn Hoàng cùng bản bộ ra biển dong thuyền vào Thuận Hóa, để con trai thứ năm là Hải và cháu là Hắc ở lại làm con tin.

Vua Lê sai sứ giả vào phủ dụ, vẫn để Nguyễn Hoàng trấn thủ đất Thuận Quảng, hàng năm nộp thuế má đầy đủ. Trịnh Tùng cũng gửi thư kèm theo khuyên giữ tốt việc tuế cống.

(1) Thái Bình cũ, nay thuộc Hưng Yên.

(2) Nay thuộc Hải Phòng.

(3) Nay thuộc Ninh Bình và Hưng Yên.

Tháng Mười năm Canh Tí (1600), Nguyễn Hoàng gả con gái là Ngọc Tú cho Trịnh Tráng (con cả Trịnh Tùng). Từ đó Nguyễn Hoàng không ra Đông Đô nữa, mà Trịnh Tùng cũng chẳng dám động chạm đến việc ấy.

Có thể nói từ năm 1600, Nguyễn Hoàng bắt đầu xây dựng một giang sơn riêng cho họ Nguyễn.

Hoàng ráo riết xây dựng vùng đất mới này có đầy đủ mọi mặt: tổ chức hành chính, mở rộng đất xuống phía nam. Một loạt chùa chiền thờ Phật cũng được xây cất trong dịp này: Thiên Mục, Bảo Châu...

Dân chúng ngoài Bắc mất mùa đói kém chạy vào Nam theo chúa Nguyễn khá đông.

* * *

Năm Quý Sửu (1613) Nguyễn Hoàng đã già và mệt nặng, triệu người con trai thứ sáu vào dặn:

- Đất Thuận Quảng phía bắc có núi Ngang⁽¹⁾ và sông Gianh⁽²⁾ hiểm trở, phía nam có núi Hải Vân và núi Đá Bia⁽³⁾ vững bền. Núi sẵn vàng, sẵn sắt; biển có cá, có muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân, luyện lính để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Bằng không, thế lực không định được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta.

Nguyễn Hoàng mất, thọ tám mươi chín tuổi, có mười con trai, trấn thủ Thuận Quảng được năm mươi sáu năm (1558-1613). Sau này Triều Nguyễn truy tôn là Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế.

(1) Hoành Sơn, nằm giữa Hà Tĩnh và Quảng Bình cũ, nay là Quảng Trị.

(2) Hay còn gọi là Linh Giang, nằm trên đất Quảng Bình cũ, nay là Quảng Trị.

(3) Hay còn gọi là Thạch Bi Sơn, nằm trên đất Phú Yên cũ, nay là Đăk Lăk.



DANH GIẶC ĐƯỢC THẦN NHÂN GIÚP

Khi Nguyễn Hoàng mới vào đóng ở đất Ái Tử, tướng Lập Bạo của nhà Mạc đem một đạo quân đi sáu mươi chiến thuyền, theo đường hải đạo vào đóng ở làng Hồ Xá và ở làng Lạng Uyển, thuộc châu Minh Linh⁽¹⁾, để đánh Nguyễn Hoàng.

Hai bên đánh nhau nhiều lần, chưa phân thắng bại.

Một đêm, chúa Nguyễn đang đóng binh bên bờ sông, nghe dưới sông có tiếng “trảo, thảo”. Chúa lấy làm lạ, ra xem thì thấy sóng gió rất hãi hùng. Nhân đó, chúa quỳ xuống khẩn nguyện rằng:

- Thần sông linh thiêng thì cố giúp ta trừ giặc.

Đêm hôm ấy, chúa nằm mộng thấy một người đàn bà sắc đẹp lộng lẫy, dáng dấp uyển chuyển, nàng nhẹ nhàng đi lại gần chúa và bảo rằng:

- Nhà ngươi hãy dùng mĩ nhân kế, vậy mới thắng được giặc.

Thức dậy, chúa vui mừng vì được điềm lành.

Bỗng nàng hầu Ngô Thị mang nước vào cho chúa. Nàng cũng xinh đẹp khác thường. Chúa liền sai Ngô Thị dùng mĩ nhân kế để giết Lập Bạo.

Về phần Lập Bạo, y dương dương tự đắc vì thấy chúa Nguyễn không làm gì được mình, nên chèn chén, hát xướng suốt ngày.

(1) Nay thuộc Quảng Trị.

Đang ngất ngưỡng say, Lập Bạo thấy nàng Ngô Thị sắc nước hương trời mang lễ vật và thư giảng hòa của chúa Nguyễn xin vào yết kiến.

Lập Bạo vốn là người hiếu sắc, thấy Ngô Thị liếc mắt đưa tình, nên bị mê hoặc, đồng ý để hai bên giảng hòa trong một thời gian.

Được việc, Ngô Thị xin cáo lui, nhưng đi mà đôi mắt Ngô Thị không rời Lập Bạo. Nàng cứ liếc mắt đưa tình ra chiều lả lơi. Bạo vội vàng đi theo, nhưng không thể nào bắt kịp Ngô Thị.

Cứ thế, đến chỗ phục binh của chúa Nguyễn, một phát súng lệnh nổ, quân mai phục tỏa ra.

Lập Bạo biết mắc mưu, liền lao xuống nước. Nhưng y lặn đến đâu trên mặt nước đều có con chim chài cá kêu vang, bay theo đến đó.

Quân chúa Nguyễn nhờ vậy mà theo dấu được đường bơi của Lập Bạo. Lập Bạo lặn mãi cho đến làng Vân Trình, cuối sông Vĩnh Định mới tắt thở nổi lên. Quan quân chúa Nguyễn giết được vô số quân Mạc.

Để tưởng nhớ ơn sâu của thủy thần giúp rập, chúa Nguyễn cho lập đền thờ ngay tại làng Ái Tử và phong là Trảo Trảo Linh Thu Phổ Trạch Tướng Hựu phu nhân. Miếu Trảo Trảo rất linh ứng, được nhân dân lo hương khói hằng năm.



CHÚA PHẬT
NGUYỄN PHÚC NGUYÊN
(1613 - 1635)



VỊ CHÚA NHÂN NGHĨA

Nguyễn Phúc Nguyên là con thứ sáu của Nguyễn Hoàng.
Mẹ Phúc Nguyên họ Nguyễn.

Bấy giờ, các con trai của Nguyễn Hoàng là Hà, Hán, Thành, Diển đều đã mất. Người con trai thứ năm là Hải đang làm con tin ngoài Bắc, vì thế Thụy quận công Phúc Nguyên được nối nghiệp, bấy giờ đã 51 tuổi.

Vua Lê sai sứ giả vào viếng và truy tặng Nguyễn Hoàng là Cẩn nghi công, cho Phúc Nguyên làm trấn thủ Thuận Quảng với hàm Thái Bảo, tước Quận công.

Phúc Nguyên lên nối ngôi, sửa đắp thành lũy, đặt quan ải, vỗ về quân dân, trong ngoài đều vui phục, bấy giờ người ta gọi là chúa Phật.

Kể từ Nguyễn Phúc Nguyên, họ Nguyễn là Đàng Trong xưng quốc tính là Nguyễn Phúc.

* * *

Năm Kỷ Mùi (1619), Trịnh Tùng đem quân vào đánh chúa Nguyễn ở Thuận Quảng, từ đây chúa Nguyễn không nộp thuế cống nữa.

Năm Quý Hợi (1623), nghe tin Trịnh Tùng bị bệnh nặng, con thứ là Xuân nổi loạn phóng lửa đốt phủ chúa, bức Trịnh Tùng chạy ra ngoài thành, Phúc Nguyên nói với các tướng:

- Tùng không biết có vua, Xuân không biết có cha, đạo trời báo ứng thật chẳng lầm vậy!

Đoạn Phúc Nguyên sai bắn ba phát súng rồi lại kêu lên ba tiếng. Nguyễn Hữu Dật, mới mười sáu tuổi, vì có học được dùng làm văn thư, không hiểu, nên hỏi:

- Trịnh Tùng chết, con mới lập, muốn đánh thì đánh muốn giữ thì giữ. Nay nổ súng và kêu to là ý thế nào?

Phúc Nguyên cười, giải thích:

- Hữu Dật trẻ tuổi cậy hăng, chưa biết rõ lẽ. Ta muốn nhân cơ hội này nổi nghĩa binh để phò Lê, nhưng đánh người trong lúc có tang là bất nhân, thừa lúc người lâm nguy là bất võ. Huống chi ta với họ Trịnh còn có nghĩa thông gia, chi bằng trước hết đem lễ phúng viếng, xem xét tình hình, sau hãy liệu kế.

Quần thần nghe vậy, đều chịu là người nhân nghĩa.

